

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025  
của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH SƠN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 3870/QĐ-SYT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Sở Y tế Quảng Ngãi về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 2490/QĐ-SYT ngày 17 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 3870/QĐ-SYT ngày 26/12/2017 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2436/QĐ-SYT ngày 24/12/2024 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025 Ngành Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn (theo biểu số 2 đính kèm)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính – Kế toán và các khoa, phòng, Trạm y tế xã, thị trấn của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Như*  
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban giám đốc;
- Lưu KT; VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Võ Hùng Viễn**

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính  
**Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn**  
**Chương: 423**



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 109/QĐ-TTYT ngày 20/01/2025 của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn)  
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>68.500</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>68.500</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	
<b>3</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>68.500</b>
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>68.500</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>68.500</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	68.500
	Chi lương và các khoản có tính chất lương	24.485
	Chi hoạt động chuyên môn	36.799
	Chi khác, chi quản lý	7.216
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí	
	Lệ phí	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	
	Phí	
	Phí	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>44.917</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>44.917</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cấp Bộ	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>44.917</b>
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	42.575
	Chi lương	38.371
	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý	4.204
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.342
	Kinh phí thuốc, hoá chất, vật tư, truyền thông phục vụ công tác chuyên môn và phòng chống dịch bệnh	90
	Hỗ trợ cho nhân viên y tế thôn bản theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg	949
	Kinh phí thực hiện chiến lược Dân số của tỉnh giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 theo QĐ 1332/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh	150
	Kinh phí chi bồi dưỡng cho Cộng tác viên dân số (theo Nghị quyết 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	1.153
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	